

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUỐC TẾ SƠN HÀ**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 6 - 7 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 8 - 11 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 12 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 13 - 14 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 | 15 - 59 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười chín (19) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ mười chín (19) ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 62 65 65 66
- Fax : (024) 62 65 65 88

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-------------------------|---|
| Chi nhánh Hải Dương | Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Chi nhánh Hải Dương 2 | Thôn Đại Tân, xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương |
| Chi nhánh Phú Thọ | Khu 4 Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |
| Chi nhánh Ninh Bình | Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |
| Chi nhánh Ninh Bình 2 | Xóm 3, Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình |
| Chi nhánh Hà Nam | Tổ 11, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam |
| Chi nhánh Xuân Mai | Km 30+ 200 Yên Kiện, Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Sóc Sơn | Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Thái Nguyên | Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên |
| Chi nhánh Thái Nguyên 2 | Số 809, đường Cách mạng tháng 8, tổ 9 Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |
| Chi nhánh Tuyên Quang | Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |
| Chi nhánh Quốc Oai | Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Cẩm Phả | Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |
| Chi nhánh Yên Bái | Tổ 2, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái |
| Chi nhánh Vĩnh Phúc | Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| Chi nhánh Sơn La | Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La |
| Chi nhánh Sơn La 2 | Số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn Nông Trường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La |
| Chi nhánh Hòa Bình | Km 4, phố Ngọc, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình |
| Chi nhánh Bắc Giang | Số nhà 83, thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang |
| Chi nhánh Bắc Giang 2 | Thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang |
| Chi nhánh Bắc Giang 3 | Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|------------------------|---|
| Chi nhánh Bắc Giang 4 | Khu công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |
| Chi nhánh Thái Bình | Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình |
| Chi nhánh Thái Bình 2 | Thôn Trình Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình |
| Chi nhánh Bắc Ninh | Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |
| Chi nhánh Cao Bằng | Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |
| Chi nhánh Lạng Sơn | Tổ 4, khối 10, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn |
| Chi nhánh Nam Định | Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định |
| Chi nhánh Nam Định 2 | Tổ 14. Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định |
| Chi nhánh Hưng Yên | Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |
| Chi nhánh Hưng Yên 2 | Phương Thông, Phương chiêu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên |
| Chi nhánh Lào Cai | Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai |
| Chi nhánh Quảng Ninh | Số 71, Lô A KĐT mới Tuần Châu, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| Chi nhánh Quảng Ninh 2 | Số 272 ô số 71 Lô A, Khu đô thị mới đầu đường Tuần Châu, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| Chi nhánh Điện Biên | Đội 7A, Hợp tác xã Pom Lót, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên |
| Chi nhánh Phú Thọ 2 | Khu 7, Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |
| Chi nhánh Hà Giang | Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |
| Chi nhánh Sơn Tây | Quốc lộ 21, thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội |
| Chi nhánh Vĩnh Phúc 2 | Phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc |
| Chi nhánh Lai Châu | Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu |
| Chi nhánh Bắc Kạn | Tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn |

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp; sản xuất các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán các sản phẩm thiết bị nhà bếp; mua bán các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung;
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; dịch vụ hành chính và văn phòng tổng hợp;
- Sản xuất sắt, thép, gang; đúc sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|--------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018 |
| Ông Lê Hoàng Hà | Phó Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018 |
| Bà Trần Kim Dung | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2020 |
| Ông Phan Thế Ruệ | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Vi Công Khanh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Viết Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Văn Quyết | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| Bà Lê Khánh Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|--------------------|-------------------|--|
| Ông Nguyễn Viết Hà | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Đàm Quang Hùng | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019 |
| Bà Trịnh Thị Khanh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019 |
| Bà Trần Kim Dung | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Viết Hà | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất .

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


Lê Vĩnh Sơn

Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Ha Noi | : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A 01, Le Hoog Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Can Tho | : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0339/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963 -2020-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.992.504.911.924 | 2.563.546.927.483 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 142.416.314.443 | 181.020.914.065 |
| 1. Tiền | 111 | | 141.916.314.443 | 181.020.914.065 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 500.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 89.462.580.000 | 44.153.148.050 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 89.462.580.000 | 44.153.148.050 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.615.043.647.801 | 1.275.217.044.154 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 1.329.319.087.486 | 1.059.366.984.349 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 100.139.578.185 | 92.623.551.385 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 53.835.900.000 | 91.500.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 139.057.469.887 | 31.531.576.775 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (8.844.931.357) | (9.426.548.464) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 1.536.543.600 | 9.621.480.108 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.8 | 1.050.771.377.815 | 1.003.049.411.676 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1.052.548.599.632 | 1.004.647.501.427 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.777.221.817) | (1.598.089.751) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 94.810.991.865 | 60.106.409.538 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 11.712.534.005 | 15.187.430.015 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 81.795.956.094 | 40.759.875.896 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.17 | 1.302.501.766 | 4.159.103.627 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.068.731.264.392 | 965.976.419.739 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 3.785.756.401 | 892.832.545 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 4.581.158.634 | 1.688.234.778 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | V.7 | (795.402.233) | (795.402.233) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 677.455.842.166 | 562.942.963.071 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 617.231.411.941 | 531.494.783.717 |
| Nguyên giá | 222 | | 1.024.792.924.287 | 883.718.245.238 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (407.561.512.346) | (352.223.461.521) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 43.349.473.749 | 15.506.716.488 |
| Nguyên giá | 225 | | 50.166.101.021 | 17.656.015.397 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (6.816.627.272) | (2.149.298.909) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 16.874.956.476 | 15.941.462.866 |
| Nguyên giá | 228 | | 25.566.485.686 | 23.576.679.275 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (8.691.529.210) | (7.635.216.409) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 113.066.819.950 | 235.134.396.996 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 113.066.819.950 | 235.134.396.996 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 101.911.821.664 | 79.807.312.333 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 80.331.821.664 | 71.227.312.333 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 2.710.000.000 | 2.710.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | 18.870.000.000 | 5.870.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 172.511.024.211 | 87.198.914.794 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 167.097.872.968 | 81.072.647.311 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.14 | 5.413.151.243 | 6.126.267.483 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 4.061.236.176.316 | 3.529.523.347.222 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.786.495.466.541 | 2.413.253.334.268 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.558.534.825.963 | 2.108.424.067.258 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 243.519.689.407 | 251.065.969.174 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.16 | 14.163.952.411 | 10.322.738.826 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.17 | 28.207.377.800 | 16.890.679.617 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 35.763.507.970 | 27.841.932.055 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 16.565.730.069 | 35.169.691.169 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | 2.898.190.911 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19a | 235.539.630.366 | 157.009.199.847 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 1.969.900.495.908 | 1.593.321.796.562 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 14.874.442.032 | 13.903.869.097 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 227.960.640.578 | 304.829.267.010 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.19b | 744.522.866 | 710.330.500 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 227.216.117.712 | 304.118.936.510 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.274.740.709.775 | 1.116.270.012.954 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 1.274.740.709.775 | 1.116.270.012.954 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 870.881.810.000 | 853.873.370.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 870.881.810.000 | 853.873.370.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (47.906.902.648) | (47.771.902.648) |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 35.159.000.000 | 35.159.000.000 |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (4.186.322.972) | (4.186.322.972) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | (1.665.791.015) | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 35.975.682.792 | 27.222.553.561 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 209.828.408 | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 200.078.761.975 | 199.168.744.159 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 101.122.583.142 | 199.168.744.159 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 98.956.178.833 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 186.194.643.235 | 52.804.570.854 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.061.236.176.316 | 3.529.523.347.222 |

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | số | minh | Năm nay | Năm trước |
|--|----|-------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5.009.897.373.159 | 4.658.360.150.402 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 202.801.267.709 | 172.437.159.196 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 4.807.096.105.450 | 4.485.922.991.206 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 4.124.748.678.221 | 3.903.055.648.711 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 682.347.427.229 | 582.867.342.495 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 14.656.940.568 | 27.601.760.882 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 144.335.404.061 | 128.564.555.130 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 134.075.712.491 | 112.918.878.256 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | (1.895.490.669) | (4.117.023.379) |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 295.606.442.542 | 233.300.093.832 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 121.871.055.196 | 116.303.232.955 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 133.295.975.329 | 128.184.198.081 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 13.692.138.955 | 7.953.216.907 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 7.059.428.928 | 7.815.573.487 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 6.632.710.027 | 137.643.420 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 139.928.685.356 | 128.321.841.501 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.17 | 34.180.335.974 | 20.188.154.507 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>105.748.349.382</u> | <u>108.133.686.994</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | <u>98.956.178.833</u> | <u>103.108.452.251</u> |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | <u>6.792.170.549</u> | <u>5.025.234.743</u> |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>1.136</u> | <u>1.387</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | <u>1.136</u> | <u>1.387</u> |

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 139.928.685.356 | 128.321.841.501 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 71.142.709.475 | 58.635.949.599 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (402.485.041) | 580.949.050 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.5 | 389.809.274 | (333.266.510) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (7.106.853.675) | (19.720.826.584) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 134.075.712.491 | 112.918.878.256 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | 196.625.000 | 196.625.000 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 338.224.202.880 | 280.600.150.312 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (377.401.374.832) | (247.208.414.304) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (47.901.098.205) | (24.323.145.419) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 115.494.123.470 | 224.516.500.613 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (82.416.716.997) | 10.658.359.139 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (133.195.757.200) | (113.551.933.032) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.17 | (20.440.749.104) | (29.992.084.983) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.21 | 100.472.301 | 362.806.440 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (2.295.907.139) | (1.740.195.391) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (209.832.804.827) | 99.322.043.375 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (38.594.217.871) | (209.270.958.103) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 5.235.186.698 | 2.880.249.114 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (311.218.991.950) | (123.853.148.050) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 252.909.560.000 | 74.970.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | (11.000.000.000) | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 10.702.670.100 | 22.175.702.746 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (91.965.793.023) | (233.098.154.293) |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20 | 3.837.387.376.479 | 3.952.815.660.801 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20 | (3.565.821.336.775) | (3.750.704.498.754) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.20 | (7.955.012.578) | (4.323.532.117) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 263.611.027.126 | 197.787.629.930 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (38.187.570.724) | 64.011.519.012 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 181.020.914.065 | 117.082.644.677 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (417.028.898) | (73.249.624) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 142.416.314.443 | 181.020.914.065 |

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình năng lượng Thái dương năng, bình nóng lạnh, máy lọc nước, máy hút mùi, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 15 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà với tỷ lệ góp vốn là 60% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà là phát triển lĩnh vực sản xuất nước thương mại.

Giải thể công ty con

Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà chấm dứt hoạt động và điều chuyển vốn về Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo quyết định số 216/2019/QĐ-SH ngày 07 tháng 11 năm 2019 và thực hiện bàn giao tài sản, công nợ cho Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 26 tháng 12 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã ban hành Nghị quyết số 13/2019/NQ-SHI phê duyệt đề án tái cấu trúc Tập đoàn Sơn Hà giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2030. Theo Nghị quyết này, Hội đồng quản trị phê duyệt phương án tái cấu trúc khối ngành Gia dụng của Tập đoàn Sơn Hà, lấy Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ làm hạt nhân và sắp xếp, tổ chức lại các công ty thành viên cùng khối ngành. Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (gọi tắt là Sơn Hà) góp vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ thông qua việc chuyển toàn bộ vốn góp của Sơn Hà tại 03 Công ty: Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An, Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà về Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ. Sau quá trình tái cấu trúc, 03 Công ty này trở thành Công ty con 100% vốn sở hữu bởi Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2019 đổi tên là Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất****Công ty con trực tiếp**

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|---|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Kinh doanh thương mại | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Sản xuất, dịch vụ | 100% | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà | Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Sản xuất bình Thái Dương năng | 51,59% | 51,59% | 51,59% |
| Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Kinh doanh thương mại | 51% | 54,26% | 51% |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp | 69% | 75,74% | 69% |
| Son Ha Myanmar International Limited | No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar | Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp | 52,5% | 52,5% | 52,5% |
| Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ (*) | Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng | 74,34% | 99,78% | 74,34% |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Sản xuất nước thương mại | 60% | 60% | 60% |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Công ty con gián tiếp**

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An | Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An | Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp | 74,34% | 99,78% | 74,34% |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng | 74,34% | 99,78% | 74,34% |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà | Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh | Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp | 74,34% | 99,78% | 74,34% |
| Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh | Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An | sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp | 74,34% | 99,78% | 74,34% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 51% | 51% | 51% |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 51% | 26,01% | 51% |

- (*) Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 năm 2020 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ, các cổ động mới bắt đầu được thực hiện quyền cổ đông bao gồm được chia cổ tức và các quyền khác kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020, do vậy tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 99,78%.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà | Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội | Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại) | 20,13% | 20,13% | 20,13% |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|--|---------------|---------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn | Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | Cung cấp, phân phối nước sạch | 20,15% | 20,15% | 20,15% |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà – Wegen | Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam | Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, bán lẻ | 50% | 50% | 50% |

5d. *Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam, có địa chỉ tại Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, Công ty này do TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh sở hữu 42% vốn điều lệ, tỷ lệ lợi ích 47%. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn là 42% và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 46,9%. Công ty Công ty liên kết này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.944 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.114 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 04 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 05 - 25 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 10 |

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 14.551.422.990 | 16.744.287.895 |
| Tiền gửi ngân hàng | 127.364.891.453 | 159.087.588.290 |
| Tiền đang chuyển | - | 5.189.037.880 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống) | 500.000.000 | - |
| Cộng | 142.416.314.443 | 181.020.914.065 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | <u>89.462.580.000</u> | <u>44.153.148.050</u> |
| Tiền gửi có kỳ hạn (*) | 89.462.580.000 | 44.153.148.050 |
| <i>Dài hạn</i> | <u>18.870.000.000</u> | <u>5.870.000.000</u> |
| Trái phiếu | 18.870.000.000 | 5.870.000.000 |
| Cộng | <u>108.332.580.000</u> | <u>50.023.148.050</u> |

(*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 41.300.000.000 VND.

2b. Đầu tư vào công liên kết

| | Giá gốc | Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
|---|-------------------------------|--|------------------------------|------------------------------|---|------------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà | 31.405.778.616 | (31.405.778.616) | - | 31.405.778.616 | (31.405.778.616) | - |
| Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam | 59.999.400.000 | - | 59.999.400.000 | - | - | 59.999.400.000 |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn | 12.259.031.850 | (784.360.536) | 11.474.671.314 | 12.259.031.850 | (1.031.119.517) | 11.227.912.333 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen | 11.000.000.000 | (2.142.249.650) | 8.857.750.350 | - | - | - |
| Cộng | <u>114.664.210.466</u> | <u>(34.332.388.802)</u> | <u>80.331.821.664</u> | <u>43.664.810.466</u> | <u>(32.436.898.133)</u> | <u>71.227.312.333</u> |

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam | Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn | Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen | Cộng |
|---|---|---|--------------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 59.999.400.000 | 11.227.912.333 | - | 71.227.312.333 |
| Tăng do góp vốn | - | - | 11.000.000.000 | 11.000.000.000 |
| Lãi lỗ công ty liên kết | - | 1.008.916.941 | (2.142.249.650) | (1.133.332.709) |
| Chi trả cổ tức | - | (523.569.745) | - | (523.569.745) |
| Giảm do công ty liên kết trích lập quỹ | - | (238.588.215) | - | (238.588.215) |
| Số cuối năm | <u>59.999.400.000</u> | <u>11.474.671.314</u> | <u>8.857.750.350</u> | <u>80.331.821.664</u> |

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen | | |
| Góp vốn bằng tiền vào Sơn Hà - Wegen | 11.000.000.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ cho Sơn Hà - Wegen | 122.798.994 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà | | |
| Lãi cho Thương mại Tổng hợp Sơn Hà vay | - | 1.969.558.000 |
| Thương mại Tổng hợp Sơn Hà trả gốc vay | - | 55.009.790.665 |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào 271.000 cổ phiếu của Công ty Bất động sản Havico.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 19.533.828.382 | 21.288.586.444 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 13.651.238.634 | 13.862.062.260 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam (trước là Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam) | 563.841 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | 1.012.637.026 | 3.022.575.457 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại tổng hợp Sơn Hà | 4.384.588.727 | 4.403.948.727 |
| Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn - Chu Lai | 232.942.347 | - |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam | 132.778.000 | - |
| Công ty Cổ Phần Sơn Hà - Wegen | 119.079.807 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 1.309.785.259.104 | 1.038.078.397.905 |
| Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An | 149.152.612.352 | 139.857.837.381 |
| Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng | 156.644.890.533 | 144.412.159.501 |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương | 157.640.112.031 | 115.477.198.883 |
| Công ty TNHH Thương Mại và Đầu Tư Phát Triển Thiên Phú | 85.724.113.913 | 5.501.263.142 |
| Các khách hàng khác | 760.623.530.275 | 632.829.938.998 |
| Cộng | 1.329.319.087.486 | 1.059.366.984.349 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Kinh doanh Thương Mại Công Hà | - | 15.482.858.456 |
| NK_NINGBO NINGSHING TRADING GROU INC | 66.527.326 | 15.638.433.868 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Hòa Phú | 1.563.015 | 9.003.813.501 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HTĐT Tuấn Linh | 297.935.374 | 9.235.500.000 |
| Công ty TNHH Thương Mại Và Sản Xuất Chấn Hưng (*) | 50.000.000.000 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 49.773.552.470 | 43.262.945.560 |
| Cộng | <u>100.139.578.185</u> | <u>92.623.551.385</u> |

(*) Là khoản trả trước theo Hợp đồng số 03/2019/TMC-CH ngày 01 tháng 12 năm 2019 được ký kết giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng. Theo Hợp đồng này, Công ty sẽ thanh toán trước cho bên bán 50.000.000.000 VND ngay sau khi ký Hợp đồng. Số tiền đặt cọc này sẽ được trừ dần vào mỗi lần giao hàng. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền ứng trước theo Hợp đồng này.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Đại lý Nguyễn Thị Mai (Nam Hồng) Hà Nam | 10.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| Đại lý Lê Văn Kiên - Hà Nội | - | 14.000.000.000 |
| Đại lý Nguyễn Thị Khuyên Luyện - Văn Giang Hưng Yên | 9.500.000.000 | 16.000.000.000 |
| Đại lý Đinh Duy Tuấn - Hà Nội | 15.000.000.000 | 19.000.000.000 |
| Đại lý Lê Bích Thủy -Lào Cai | 8.000.000.000 | 15.500.000.000 |
| Đại lý Vũ Trung Kiên -Thái Bình | - | 10.000.000.000 |
| Ông Vũ Mạnh Rinh | 11.335.900.000 | - |
| Cộng | <u>53.835.900.000</u> | <u>91.500.000.000</u> |

6. Phải thu ngắn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 1.173.017.936 | | 2.655.720 | |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | 119.970 | | 119.970 | |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam | 50.459.000 | | - | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam - Tiền thuê xe, tiền lãi dự thu | 502.488.849 | | - | |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen | 617.414.367 | | - | |
| Cá nhân có liên quan | 2.535.750 | | 2.535.750 | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 137.884.451.951 | | 31.528.921.055 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ông Ngô Duy Sáng - tạm ứng | - | - | 3.000.000.000 | - |
| Ông Lê Văn Tấn | 284.548.088 | - | 2.016.300.000 | - |
| Ông Kiều Thanh Phong | 536.000.000 | - | - | - |
| Ông Nguyễn Văn Thảo | 536.000.000 | - | - | - |
| Lưu Quốc Bảo - tạm ứng mua hàng | 2.994.384.000 | - | - | - |
| Bà Phạm Thị Quỳnh Hoa - Phải thu tiền chuyển nhượng công ty | - | - | 2.000.000.000 | - |
| Tạm ứng của cá nhân khác | 6.766.352.769 | - | 6.604.029.035 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 7.550.810.407 | - | 6.474.051.311 | - |
| Ký quỹ Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc ^(*) | 35.000.000.000 | - | - | - |
| Ông Nguyễn Trọng Minh ^(**) | 35.000.000.000 | - | - | - |
| Phải thu nhân viên kinh doanh | 6.063.658.602 | - | - | - |
| Lãi cho vay | 123.583.562 | - | 567.050.227 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 43.029.114.523 | - | 10.867.490.482 | - |
| Cộng | 139.057.469.887 | | 31.531.576.775 | |

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2019/TMC-MN ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc. Theo Hợp đồng này, Công ty đặt cọc khoản tiền 35.000.000.000 VND để đảm bảo giữ chỗ quyền mua lô đất có diện tích 3ha thuộc dự án “ Xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm” nằm trong khu đất Dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội mà Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc là đồng chủ đầu tư dự án. Thời gian đặt cọc là 180 ngày. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc theo Hợp đồng này

(**) Là số tiền ứng 50% theo Hợp đồng khoán việc số 05/2019/HĐKV-SHK ngày 15 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà với ông Nguyễn Trọng Minh. Theo Hợp đồng này Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà giao cho ông Minh kiểm tra, đàm phán ký hợp đồng mua và hoàn tất các thủ tục để Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà sở hữu lô đất có diện tích 14.303 m2 (theo Giấy phép xây dựng do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk cấp năm 2017) tại Khu công nghiệp HòaPhú.

6b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký cược, ký quỹ | 3.785.756.401 | - | 871.904.885 | - |
| Lê Trần Trọng Thái | 795.402.233 | (795.402.233) | 795.402.233 | (795.402.233) |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | - | - | 20.927.660 | - |
| Cộng | 4.581.158.634 | (795.402.233) | 1.688.234.778 | (795.402.233) |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

| Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|--|-------------|----------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Dự phòng | |
| Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt | trên 3 năm | 3.540.903.520 | (3.540.903.520) | trên 3 năm | 3.540.903.520 | (3.540.903.520) |
| Công ty TNHH Inox Hùng Anh | trên 3 năm | 1.891.351.348 | (1.891.351.348) | trên 3 năm | 1.891.351.348 | (1.891.351.348) |
| Tổng công ty Viglacera | | - | - | 2 năm đến dưới 3 năm | 1.355.200.000 | (1.355.200.000) |
| Các đối tượng khác | trên 3 năm | 4.520.902.134 | (4.208.078.722) | trên 3 năm | 3.535.194.783 | (3.434.495.829) |
| Cộng | | 9.953.157.002 | (9.640.333.590) | | 10.322.649.651 | (10.221.950.697) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu ngắn hạn | Nợ phải thu dài hạn | Cộng |
|----------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 9.426.548.464 | 795.402.233 | 10.221.950.697 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 773.582.893 | - | 773.582.893 |
| Hoàn nhập dự phòng | (1.355.200.000) | - | (1.355.200.000) |
| Số cuối năm | 8.844.931.357 | 795.402.233 | 9.640.333.590 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi đường | 71.877.702.089 | - | 87.107.809.215 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 449.528.332.006 | (966.553.144) | 373.175.310.351 | (745.077.201) |
| Công cụ, dụng cụ | 13.018.863.818 | - | 12.252.655.375 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4.635.599.425 | - | 7.846.072.936 | - |
| Thành phẩm | 187.432.265.987 | (810.668.673) | 258.604.823.927 | (853.012.550) |
| Hàng hóa | 325.920.755.325 | - | 265.289.515.656 | - |
| Hàng gửi bán | 135.080.982 | - | 371.313.967 | - |
| Cộng | 1.052.548.599.632 | (1.777.221.817) | 1.004.647.501.427 | (1.598.089.751) |

Giá trị hàng tồn kho theo sổ sách dùng để chấp để bảo đảm cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 359.428.585.324 VND.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.598.089.751 | 2.388.780.451 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.011.167.699 | - |
| Hoàn nhập dự phòng | (832.035.633) | (790.690.700) |
| Số cuối năm | 1.777.221.817 | 1.598.089.751 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 606.913.055 | 333.988.536 |
| Công cụ dụng cụ | 2.454.983.069 | 3.596.917.954 |
| Chi phí quảng cáo | 645.314.758 | 1.833.116.867 |
| Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng | 4.013.542.149 | 4.247.829.870 |
| Chi phí hàng nhập khẩu | 262.538.846 | 1.726.322.403 |
| Chi phí sửa chữa cải tạo | 324.359.780 | 583.548.028 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 3.404.882.349 | 2.865.706.357 |
| Cộng | <u>11.712.534.005</u> | <u>15.187.430.015</u> |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Công cụ dụng cụ | 16.735.105.813 | 14.335.189.909 |
| Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng | 2.549.879.236 | 1.084.521.415 |
| Chi phí thuê đất (*) | 51.182.471.462 | 53.308.172.330 |
| Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng | 4.198.709.039 | 4.525.732.736 |
| Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng | 3.590.707.887 | 5.394.450.453 |
| Chi phí quảng cáo | 29.007.014 | 332.867.293 |
| Showroom | 86.452.610.000 | - |
| Chi phí đào tạo | - | 316.839.935 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 2.359.382.517 | 1.774.873.239 |
| Cộng | <u>167.097.872.968</u> | <u>81.072.647.311</u> |

(*) Chi phí thuê đất là quyền sử dụng 02 lô đất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | 259.272.663.202 | 493.112.259.276 | 118.862.982.746 | 12.470.340.014 | 883.718.245.238 |
| Số đầu năm | 5.564.641.114 | 13.724.172.943 | 9.821.066.008 | 881.803.031 | 29.991.683.096 |
| Mua trong năm | 36.832.376.693 | 73.556.396.812 | 19.586.490.169 | 170.844.097 | 130.146.107.771 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | (253.832.903) | (7.378.984.100) | (8.437.955.094) | - | (16.070.772.097) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (198.136.287) | - | - | (198.136.287) |
| Phân loại lại sang Chi phí trả trước dài hạn | 56.322.635.011 | (63.161.628.832) | 5.647.487.357 | 1.191.506.464 | - |
| Phân loại lại | (1.183.657.824) | (1.292.711.854) | (64.515.000) | (253.318.756) | (2.794.203.434) |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo | 356.554.825.292 | 508.361.367.959 | 145.415.556.186 | 14.461.174.850 | 1.024.792.924.287 |

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

| | | | | | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------|
| Chờ thanh lý | 6.229.628.004 | 51.154.317.469 | 7.610.402.347 | 7.302.436.558 | 72.296.784.378 |
| Giá trị hao mòn | 50.594.450.428 | 249.471.344.188 | 44.471.794.398 | 7.685.872.507 | 352.223.461.521 |
| Số đầu năm | 12.212.681.798 | 39.893.512.545 | 11.692.019.158 | 1.507.987.713 | 65.306.201.214 |
| Khấu hao trong năm | (9.060.012) | (5.350.492.908) | (4.219.173.388) | - | (9.578.726.308) |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (64.523.637) | - | - | (64.523.637) |
| Phân loại lại sang Chi phí trả trước dài hạn | 5.173.313.190 | (6.768.682.519) | 1.434.973.541 | 160.395.788 | - |
| Phân loại lại | (167.648.999) | (128.823.634) | (8.909.733) | (19.518.078) | (324.900.444) |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo | 67.803.736.405 | 277.052.334.035 | 53.370.703.975 | 9.334.737.930 | 407.561.512.346 |
| Số cuối năm | 208.678.212.774 | 243.640.915.088 | 74.391.188.348 | 4.784.467.507 | 531.494.783.717 |
| Giá trị còn lại | 288.751.088.887 | 231.309.033.924 | 92.044.852.211 | 5.126.436.920 | 617.231.411.941 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 250.433.555.680 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

| | <u>Máy móc thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-------------------------|--|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 6.005.988.211 | 11.650.027.186 | 17.656.015.397 |
| Thuê tài chính trong năm | 16.602.240.542 | 16.649.663.264 | 33.251.903.806 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | - | (741.818.182) | (741.818.182) |
| Số cuối năm | 22.608.228.753 | 27.557.872.268 | 50.166.101.021 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | | |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 197.236.754 | 1.952.062.155 | 2.149.298.909 |
| Khấu hao trong năm | 2.449.594.139 | 2.329.006.966 | 4.778.601.105 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | - | (111.272.742) | (111.272.742) |
| Phân loại lại | 14.046.667 | (14.046.667) | - |
| Số cuối năm | 2.660.877.560 | 4.155.749.712 | 6.816.627.272 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 5.808.751.457 | 9.697.965.031 | 15.506.716.488 |
| Số cuối năm | 19.947.351.193 | 23.402.122.556 | 43.349.473.749 |

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Chương trình phần mềm</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 19.094.043.597 | 4.482.635.678 | 23.576.679.275 |
| Mua trong năm | - | 2.004.703.511 | 2.004.703.511 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | (14.897.100) | (14.897.100) |
| Số cuối năm | 19.094.043.597 | 6.472.442.089 | 25.566.485.686 |
| Trong đó: | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 231.401.690 | 3.143.839.278 | 3.375.240.968 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 4.243.738.126 | 3.391.478.283 | 7.635.216.409 |
| Khấu hao trong năm | 539.242.944 | 518.664.212 | 1.057.907.156 |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | (1.594.355) | (1.594.355) |
| Số cuối năm | 4.782.981.070 | 3.908.548.140 | 8.691.529.210 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 14.850.305.471 | 1.091.157.395 | 15.941.462.866 |
| Số cuối năm | 14.311.062.527 | 2.563.893.949 | 16.874.956.476 |

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.981.386.492 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển tăng Tài sản cố định | Kết chuyển vào chi phí trả trước | Kết chuyển vào chi phí trong năm | Số cuối năm |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | 235.134.396.996 | 136.751.559.916 | (130.146.107.771) | (98.312.548.864) | (30.360.480.327) | 113.066.819.950 |
| Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm | 4.750.000.000 | - | - | - | - | 4.750.000.000 |
| Dự án xây dựng Showroom | 77.657.365.342 | 36.563.912.293 | - | (97.947.551.671) | (16.273.725.964) | - |
| Dự án Sơn Hà Bắc Ninh SHB+SHK | 6.844.307.775 | 630.105.196 | - | - | (7.474.412.971) | - |
| Dự án nước Hà Đông | 135.463.519.100 | 38.905.831.925 | (124.250.694.614) | (55.011.455) | - | 50.063.644.956 |
| Dự án Vân Côn, An Thượng | 2.092.385.166 | 40.318.863.511 | - | - | - | 42.411.248.677 |
| Xây dựng cơ bản ở Nhà máy Bắc Ninh | 4.995.506.178 | 509.761.818 | (5.505.267.996) | - | - | - |
| Dự án khác | 3.331.313.435 | 19.823.085.173 | (390.145.161) | (309.985.738) | (6.612.341.392) | 15.841.926.317 |
| Cộng | 235.134.396.996 | 136.751.559.916 | (130.146.107.771) | (98.312.548.864) | (30.360.480.327) | 113.066.819.950 |

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo số sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 92.474.893.633 VND, để đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 6.126.267.483 | 1.375.528.056 |
| Phát sinh trong năm | - | 5.463.855.667 |
| Số phân bổ trong năm | (713.116.240) | (713.116.240) |
| Số cuối năm | 5.413.151.243 | 6.126.267.483 |

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 5.526.394.275 | 5.447.006.387 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 5.495.820.836 | 5.416.432.948 |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | 30.573.439 | 30.573.439 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 237.993.295.132 | 245.618.962.787 |
| Công ty TNHH POSCO VST | 60.929.615.546 | 62.814.780.436 |
| Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh | 16.830.525.121 | 6.212.711.980 |
| Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc | 8.920.840.598 | 1.006.381.343 |
| Hyosung Corporation Cheongdam | - | 27.338.099.946 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nước Sạch Hà Đông | 11.685.919.511 | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long | 14.560.008.903 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 125.066.385.453 | 148.246.989.082 |
| Cộng | 243.519.689.407 | 251.065.969.174 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| XK_DEPO BANGUNAN (Indonesia) | 1.323.146.710 | - |
| Các khách hàng khác | 12.840.805.701 | 10.322.738.826 |
| Cộng | 14.163.952.411 | 10.322.738.826 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | | |
|--|-----------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Tăng/giảm khác | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 9.163.560.862 | - | 52.472.146.283 | (52.810.517.196) | (25.673.689) | 8.817.495.195 | 17.978.935 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 130.947.418.045 | (130.947.418.045) | - | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 762.261.870 | 2.465.706.101 | (2.057.822.465) | 20.905.295 | - | 333.472.939 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.614.220.800 | 3.095.460.725 | 34.180.335.974 | (20.440.749.104) | - | 17.976.445.416 | 718.098.471 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 980.741.470 | 5.212.031 | 6.877.385.629 | (6.669.694.045) | (7.217.538) | 1.314.934.056 | 138.930.571 |
| Thuế tài nguyên | - | - | 684.181.279 | (591.683.479) | - | 92.497.800 | - |
| Tiền thuế đất | - | 293.169.001 | 2.219.044.151 | (2.016.896.000) | - | - | 91.020.850 |
| Các loại thuế khác | - | - | 195.646.070 | (195.646.070) | - | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 132.156.485 | 3.000.000 | 163.783.939 | (289.543.939) | (391.152) | 6.005.333 | 3.000.000 |
| Cộng | 16.890.679.617 | 4.159.103.627 | 230.205.647.471 | (216.019.970.343) | (12.377.084) | 28.207.377.800 | 1.302.501.766 |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50 % số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền lương tháng 13 | - | 10.189.070.807 |
| Tiền lương phép phải trả | 1.115.687.971 | - |
| Chi phí lãi vay phải trả | 3.121.493.039 | 2.241.537.748 |
| Phải trả các khoản thưởng Nhà phân phối | 1.070.660.862 | 13.574.686.162 |
| Chi phí hàng khuyến mại | 1.635.754.743 | 986.388.083 |
| Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án | 568.476.888 | 1.654.391.814 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 9.053.656.566 | 6.523.616.555 |
| Cộng | <u>16.565.730.069</u> | <u>35.169.691.169</u> |

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 1.483.504.530 | 1.674.901.988 |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp | 83.753.607 | 557.507.694 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 370.773.264 | 363.773.264 |
| Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội | 53.910.140.631 | 48.124.544.703 |
| Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 166.012.622.681 | 67.720.392.350 |
| Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình | - | 21.856.463.635 |
| Đặt cọc dự án nước Vân Cồn An Thượng | 8.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.676.854.652 | 9.711.616.213 |
| Cộng | <u>235.539.630.366</u> | <u>157.009.199.847</u> |

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|-------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.969.900.495.908 | 1.593.321.796.562 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.852.265.915.764 | 1.484.543.748.690 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾ | 677.753.094.035 | 792.408.423.199 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức ⁽ⁱⁱ⁾ | 565.863.855.674 | 433.133.628.998 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yangon ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 3.574.473.300 | - |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ^(iv) | 119.960.588.554 | 95.236.411.249 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(v) | 55.467.030.020 | 77.729.742.339 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An ^(vi) | - | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh ^(vii) | 23.764.077.977 | 10.352.394.895 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ^(viii) | 99.759.291.050 | - |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ^(ix) | 29.588.553.400 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình ^(x) | 111.985.745.764 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa ^(xi) | 129.638.460.503 | 34.738.353.514 |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính ^(xii) | - | 29.776.509.621 |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ^(xiii) | - | 11.168.284.875 |
| Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm ^(xiv) | 14.227.699.377 | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội ^(xv) | 20.683.046.110 | - |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 785.000.000 | 440.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 83.035.472.300 | 82.474.726.027 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 6.074.917.717 | 52.762.285.128 |
| Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long | - | 1.291.040.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa | 1.162.782.272 | 3.238.178.256 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) | 60.000.000.000 | 3.908.520.000 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương | 5.794.155.061 | 9.106.960.643 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung | 3.066.528.000 | 2.984.028.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An | 984.000.000 | 984.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây | 5.700.000.000 | 5.700.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | 253.089.250 | 2.499.714.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 11.814.107.844 | 3.863.321.845 |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 22.000.000.000 | 22.000.000.000 |
| Cộng | 1.969.900.495.908 | 1.593.321.796.562 |

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2018/147831 ngày 24 tháng 7 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng 780.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/147831 ngày 24 tháng 7 năm 2018 với tổng hạn mức tín dụng 520.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (iv) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 180123/NHNTHD ngày 12 tháng 12 năm 2018 với hạn mức 80.000.000.000 VND, mục đích tài trợ tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của công ty.
- (x) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26136.19.086.588663.TD ngày 08 tháng 5 năm 2019 với hạn mức 200.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay trong năm từ 6,40%/năm đến 7,00%/năm, thời hạn vay 06 tháng cụ thể theo từng Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo là các giấy tờ có giá và các bất động sản của công ty.
- (xiv) Các khoản vay theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản ngày 26 và 30 tháng 12 năm 2019 với hạn mức tối ưu thanh khoản tối đa bằng 95% tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để bảo đảm cho hạn mức tối ưu thanh khoản tại thời điểm xác định hạn mức tối ưu thanh khoản, lãi suất 9,00%/năm, thời hạn vay 12 tháng, tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.
- (xv) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 479/2019/HDTD/PHG/01 ngày 05 tháng 12 năm 2019 với hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay trong năm 6,80%/năm đến 7,00%/năm, thời hạn vay 6 tháng, khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (iix) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-SONHA ngày 28 tháng 01 năm 2019 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên SSP Việt Nam

- (xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng số 23191.19.058.2475643 ngày 26/6/2019 với hạn mức cho vay là 180.000.000.000 VND, thời hạn không quá 6 tháng, mục đích phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Lãi suất quy

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng tồn kho luân chuyển TP ống thép tại kho Nhà máy Phùng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/7989546/HDTD ngày 22/05/2019 hạn mức 230.000.000.000 VND mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 1.551.604.408 VND (tại thời điểm 01/01/2019 là 5.147.422.834 VND) và nguyên vật liệu, bán thành phẩm tại thời điểm thế chấp là 142.408.596.738 VND.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- Chi nhánh Hoài Đức theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/7989546/HDTD ngày 16/05/2019 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh theo Hợp đồng số 19.62.001/2019-HĐCV HM/NHCT264-SON HA SSP với tổng hạn mức 32.000.000.000 VNĐ để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép inox. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng bằng Hợp đồng tiền gửi ngân hàng của Công ty là 8.000.0000.000 VND.
- (xv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng vay số 94/2019/HDTD/TTKD KM/01 với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép inox. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/7696459/HĐTD ngày 30 tháng 7 năm 2018 với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 7 năm 2019.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT440-SONHANGHEAN ngày 22 tháng 07 năm 2019 với hạn mức 25.000.000.000 VND để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 22 tháng 07 năm 2020. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là một số ô tô của đơn vị.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 084K17 ngày 07 tháng 12 năm 2017 với hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 theo Hợp đồng thế chấp số 214TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017 và cầm cố tài sản là Tài khoản tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 215TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ miền Trung***

(vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT440-TOANMY, hạn mức tín dụng 15.000.000.000 duy trì từ 03/05/2019 đến hết 03/05/2020, bao gồm cả khoản nợ được điều chỉnh bởi hợp đồng cho vay hạn mức 06/2018/HĐCVHM/NHCT440-TOANMYMT ngày 10/04/2018. Khoản vay sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, với lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Tài sản đảm bảo là các nhà xưởng, máy móc thiết bị và xe cơ giới.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | Vay ngắn hạn ngân hàng | Vay ngắn hạn các cá nhân | Vay dài hạn đến hạn trả | Nợ thuê tài chính đến hạn trả | Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả | Cộng |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | 1.484.543.748.690 | 440.000.000 | 82.474.726.027 | 3.863.321.845 | 22.000.000.000 | 1.593.321.796.562 |
| Tiền vay phát sinh trong năm | 3.821.749.230.914 | 3.516.000.000 | - | - | - | 3.825.265.230.914 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | - | 82.969.169.679 | 11.814.107.832 | 22.000.000.000 | 116.783.277.511 |
| Chênh lệch tỷ giá | (880.193.731) | - | - | - | - | (880.193.731) |
| Tiền vay đã trả trong năm | (3.453.146.870.109) | (3.171.000.000) | (82.408.423.406) | (3.863.321.833) | (22.000.000.000) | (3.564.589.615.348) |
| Số cuối năm | 1.852.265.915.764 | 785.000.000 | 83.035.472.300 | 11.814.107.844 | 22.000.000.000 | 1.969.900.495.908 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 227.216.117.712 | 304.118.936.510 |
| Vay dài hạn ngân hàng | 174.749.094.733 | 251.321.707.547 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương | - | 5.780.939.530 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương | - | 506.178.500 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An ⁽ⁱ⁾ | 2.214.000.000 | 3.198.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾ | 54.020.953.879 | 59.720.953.879 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 28.109.951.778 | 25.082.827.601 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) ^(iv) | 87.999.153.530 | 47.697.990.779 |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(v) | 2.259.102.946 | 109.334.817.258 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa ^(vi) | 145.932.600 | - |
| Nợ thuê tài chính | 30.860.272.979 | 9.387.103.963 |
| Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB | 627.337.988 | 1.811.941.988 |
| Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | 7.719.014.000 | 5.716.944.000 |
| Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội | 22.513.920.991 | 1.858.217.975 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Trái phiếu thường dài hạn | 21.606.750.000 | 43.410.125.000 |
| <i>Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thanh Xuân^(vii)</i> | <i>21.606.750.000</i> | <i>43.410.125.000</i> |
| Cộng | <u>227.216.117.712</u> | <u>304.118.936.510</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (v) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2014 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- (ii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m³/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m³/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng số 62/2017 ngày 29 tháng 12 năm 2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn – An Thượng”, dư nợ vay tối đa 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư của dự án, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án hợp tác đầu tư.
- (vii) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với năm hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho năm tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các năm tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND năm hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà (xem thuyết minh số VIII.1a).

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam

- (v) Bao gồm 2 hợp đồng vay:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7989546/HĐTD ngày 18/10/2019 mục đích mua sắm tài sản cố định là 2 xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 2.114.252.500 VNĐ.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/7989546/HĐTD ngày 5/12/2019 mục đích mua sắm tài sản, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 18024.16.058.2475643.TD, mục đích để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới phục vụ 100% nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay đối với phương tiện vận tải là tối đa 60 tháng, đối với máy móc thiết bị là tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2019 là 6.116.500.744 VND (tại thời điểm 01/01/2019 là 5.815.823.795 VND).

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/8799911/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích vay để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành II, tỉnh Bắc Ninh, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/9309762/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị nhà bếp tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT440-TOANMY ngày 31/01/2018 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm |
|-----------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 257.784.567.033 | 83.035.472.300 | 127.684.301.076 | 47.064.793.657 |
| Nợ thuê tài chính | 42.674.380.823 | 11.814.107.844 | 30.860.272.979 | - |
| Trái phiếu thường | 43.606.750.000 | 22.000.000.000 | 21.606.750.000 | - |
| Cộng | 344.065.697.856 | 116.849.580.144 | 180.151.324.055 | 47.064.793.657 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 333.796.433.574 | 82.474.726.027 | 251.321.707.547 | - |
| Nợ thuê tài chính | 13.250.425.818 | 3.863.321.855 | 9.387.103.963 | - |
| Trái phiếu thường | 65.410.125.000 | 22.000.000.000 | 43.410.125.000 | - |
| Cộng | 412.456.984.392 | 108.338.047.882 | 304.118.936.510 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Vay dài hạn ngắn hàng | Nợ thuê tài chính | Trái phiếu thường | Cộng |
|---|--------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 251.321.707.547 | 9.387.103.963 | 43.410.125.000 | 304.118.936.510 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 11.491.600.125 | 37.378.967.593 | - | 48.870.567.718 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (5.095.043.260) | (4.091.690.745) | - | (9.186.734.005) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (82.969.169.679) | (11.814.107.832) | (22.000.000.000) | (116.783.277.511) |
| Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu | - | - | 196.625.000 | 196.625.000 |
| Số cuối năm | 174.749.094.733 | 30.860.272.979 | 21.606.750.000 | 227.216.117.712 |

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 13.903.869.097 | 9.536.632.664 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 3.697.018.315 | 4.721.945.858 |
| Tăng do hợp nhất | - | 1.022.679.526 |
| Phân loại lại sang quỹ Đầu tư phát triển | (511.339.763) | |
| Tăng khác | 80.801.522 | 362.806.440 |
| Chi quỹ | (2.295.907.139) | (1.740.195.391) |
| Số cuối năm | 14.874.442.032 | 13.903.869.097 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. *Vốn chủ sở hữu*

22a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

| Số dư đầu năm trước | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Công |
|------------------------|-------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| | Số dư | Đổi | | | | | | | | | |
| 642.324.060.000 | - | 16.061.097.352 | - | - | (4.186.322.972) | - | 18.303.367.281 | - | 214.063.147.046 | 30.338.053.794 | 916.903.402.501 |
| - | - | - | - | 35.159.000.000 | - | - | - | - | (40.000.000.000) | 4.841.000.000 | - |
| - | 31.949.310.000 | - | - | - | - | - | - | - | (31.949.310.000) | - | - |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 12.377.851.260 | 12.377.851.260 |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 179.600.000.000 | - | (59.268.000.000) | - | - | - | - | - | - | - | - | 120.332.000.000 |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - | - | (4.565.000.000) | - | - | - | - | - | - | - | - | (4.565.000.000) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 255.831.057 | 255.831.057 |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | 103.108.452.251 | 5.025.234.743 | 108.133.686.994 |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - | - | - | - | - | - | - | 8.919.186.280 | - | (13.641.132.138) | - | (4.721.945.858) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | (31.956.773.000) | (33.400.000) | (31.990.173.000) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | (455.640.000) | - | (455.640.000) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 853.873.370.000 | (47.771.902.648) | (47.771.902.648) | 35.159.000.000 | (4.186.322.972) | (4.186.322.972) | - | 27.222.553.561 | - | 199.168.744.159 | 52.804.570.854 | 1.116.270.012.954 |
| 853.873.370.000 | (47.771.902.648) | (47.771.902.648) | 35.159.000.000 | (4.186.322.972) | (4.186.322.972) | - | 27.222.553.561 | - | 199.168.744.159 | 52.804.570.854 | 1.116.270.012.954 |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 6.792.170.549 | 105.748.349.382 |
| 17.008.440.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | (17.008.440.000) | - | - |
| - | - | (135.000.000) | - | - | - | - | - | - | - | - | (135.000.000) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - | - | - | - | - | - | - | 8.577.202.778 | 209.828.408 | (12.259.172.646) | 133.827.310.606 | 133.827.310.606 |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | (224.876.855) | (224.876.855) | (3.697.018.315) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | (549.991.553) | (70.220.447) | (620.212.000) |
| - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-----------------------------------|------------------------|----------------------|-------------------------|-----------------|-------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| trị, Ban kiểm soát | | | | | | | | | | |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | - | - | - | - | - | - | - | (68.054.781.600) | (7.443.500.000) | (75.498.281.600) |
| Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo | - | - | - | - | (1.665.791.015) | - | - | - | - | (1.665.791.015) |
| Tăng/giảm do hợp nhất | - | - | - | - | - | 175.926.453 | - | (173.775.218) | 509.188.528 | 511.339.763 |
| Số dư cuối năm nay | 870.881.810.000 | (47.906.902.648) | 35.159.000.000 | (4.186.322.972) | (1.665.791.015) | 35.975.682.792 | 209.828.408 | 200.078.761.975 | 186.194.643.235 | 1.274.740.709.775 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------|------------------------|------------------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn | 139.122.790.000 | 136.394.900.000 |
| Ông Lê Hoàng Hà | 16.227.920.000 | 85.285.220.000 |
| Các cổ đông khác | 715.531.100.000 | 632.193.250.000 |
| Cộng | 870.881.810.000 | 853.873.370.000 |

22c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 87.088.181 | 85.387.337 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 86.769.321 | 85.068.477 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | 318.860 | 318.860 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 86.769.321 | 85.068.477 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25 tháng 4 năm 2019 như sau:

| | VND |
|---|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt | : 68.054.781.600 |
| • Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu | : 17.008.440.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 5.155.422.613 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | : 2.062.169.045 |
| • Trích quỹ dự phòng tài chính | : 2.062.169.045 |
| • Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | : 451.212.000 |

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------|-------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 529.787,14 | 82.533,43 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.512.450.970.149 | 2.625.524.792.877 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 2.436.777.760.051 | 1.974.356.859.993 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 54.063.196.059 | 58.478.497.532 |
| Doanh thu hợp tác kinh doanh | 6.605.446.900 | |
| Cộng | 5.009.897.373.159 | 4.658.360.150.402 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Bán hàng và chiết khấu cho | | |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | 7.600.677.883 | 13.319.030.380 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 211.105.102.610 | 280.109.033.594 |
| Chiết khấu cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 5.879.118.028 | |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn trả lại hàng | 43.023.326 | |
| Công ty Cổ Phần Sơn Hà - Wegen | 71.592.647 | |
| Cung cấp dịch vụ cho | | |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai | 80.941.669 | 83.155.280 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 314.000 | 316.698.267 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------|------------------------|------------------------|
| Chiết khấu thương mại | 170.818.438.861 | 154.780.287.563 |
| Hàng bán bị trả lại | 17.948.536.928 | 17.637.110.722 |
| Giảm giá hàng bán | 14.034.291.920 | 19.760.911 |
| Cộng | 202.801.267.709 | 172.437.159.196 |

3. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 2.289.363.456.647 | 2.303.072.442.975 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 1.801.938.452.908 | 1.541.501.409.639 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 27.819.886.282 | 59.024.235.272 |
| Giá vốn hợp tác kinh doanh | 5.669.226.261 | - |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (42.343.877) | (542.439.175) |
| Cộng | 4.124.748.678.221 | 3.903.055.648.711 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi | 4.085.251.594 | 3.824.032.767 |
| Lãi tiền cho vay | 5.649.785.665 | 4.639.039.885 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.329.767.424 | 4.248.578.336 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 333.266.510 |
| Cổ tức được chia | 523.589.040 | 392.691.780 |
| Chiết khấu thanh toán | 1.668.000.000 | 231.253.199 |
| Lãi thoái vốn công ty con | - | 13.886.988.541 |
| Doanh thu tài chính khác | 399.969.709 | 45.909.864 |
| Cộng | 14.656.363.432 | 27.601.760.882 |

5. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 134.046.262.567 | 112.918.878.256 |
| Chiết khấu thanh toán | 6.947.614.623 | 4.807.063.291 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 2.834.102.040 | 10.201.074.435 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 389.809.274 | - |
| Chi phí tài chính khác | 88.165.633 | 637.539.148 |
| Cộng | 144.305.954.137 | 128.564.555.130 |

6. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 127.903.495.331 | 100.691.681.670 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 4.128.609.572 | 7.225.357.015 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 14.158.103.269 | 13.557.240.012 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.473.589.141 | 1.794.022.571 |
| Chi phí bảo hành | 16.489.417.712 | 8.952.953.367 |
| Chi phí quảng cáo, khuyến mại | 24.938.064.128 | 6.774.931.734 |
| Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu | 42.520.844.221 | 45.741.482.528 |
| Chi phí thuê showroom | 11.494.941.672 | - |
| Chi phí thuê kho | 10.511.510.651 | - |
| Các chi phí khác | 39.987.866.845 | 48.562.424.935 |
| Cộng | 295.606.442.542 | 233.300.093.832 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Chi phí cho nhân viên | 61.942.846.438 | 54.677.965.573 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.267.799.177 | 616.245.276 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.609.876.110 | 6.240.309.047 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.487.892.504 | 5.905.592.286 |
| Thuế, phí và lệ phí | 555.004.145 | 2.959.197.412 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | (581.617.107) | 576.237.517 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| Chi phí thanh toán, mở LC | 5.652.968.075 | 2.604.296.577 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.077.735.780 | 8.428.222.022 |
| Các chi phí khác | 38.858.550.074 | 34.295.167.245 |
| Cộng | 121.871.055.196 | 116.303.232.955 |
| 8. Thu nhập khác | Năm nay | Năm trước |
| Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ | 5.085.634.552 | 756.956.878 |
| Thanh lý tài sản | 209.493.666 | 1.095.096.990 |
| Truy thu ông Lê Văn Tấn | - | 2.139.096.540 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 1.680.652.145 | 431.165.299 |
| Xử lý công nợ | 1.920.491.234 | 694.360.154 |
| Thưởng sản lượng từ nhà cung cấp | 1.021.782.745 | - |
| Xử lý chênh lệch kiểm kê | 875.215.357 | - |
| Thu phạt người lao động | 345.056.819 | - |
| Thu nhập khác | 2.553.812.437 | 2.836.541.046 |
| Cộng | 13.692.138.955 | 7.953.216.907 |
| 9. Chi phí khác | Năm nay | Năm trước |
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản | 1.466.352.757 | - |
| Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ | 387.037.852 | 4.559.323.573 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 600.188.497 | 238.688.250 |
| Chi phí thiệt hại do bão | - | 366.753.084 |
| Chi phí hoàn ứng không có hóa đơn, chứng từ | 256.916.000 | 557.264.576 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 279.956.659 | - |
| Chi phí khác | 4.068.977.163 | 2.093.544.004 |
| Cộng | 7.059.428.928 | 7.815.573.487 |
| 10. Lãi trên cổ phiếu | | |
| 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 98.956.178.833 | 103.108.452.25 |
| Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | - | (549.991.553) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | (3.456.987.044) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 98.956.178.833 | 99.101.473.654 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 87.088.181 | 71.462.186 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 1.136 | 1.387 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 87.088.181 | 64.232.406 |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018 | - | 3.194.931 |
| Ảnh hưởng của việc hoán đổi cổ phiếu | - | 4.034.849 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 87.088.181 | 71.462.186 |

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.443 VND xuống còn 1.387 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.819.344.893.268 | 2.284.894.537.394 |
| Chi phí nhân công | 272.373.425.477 | 282.100.986.269 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 71.142.709.475 | 58.635.949.599 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 234.746.020.239 | 226.662.082.433 |
| Chi phí khác | 117.061.299.531 | 166.483.415.180 |
| Cộng | 3.514.668.347.990 | 3.018.030.405.475 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Tăng tài sản thông qua việc nhận nợ thuê tài chính | 37.378.967.593 | 11.374.142.707 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | - | 3.886.859.998 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 17.008.440.000 | 31.949.310.000 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà dùng lần lượt 2.525.000 và 2.175.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương và phụ cấp | 5.346.270.974 | 3.140.666.149 |
| Thù lao | 451.212.000 | |
| Cộng | <u>5.797.482.974</u> | <u>3.140.666.149</u> |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai | Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam | Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của LGC |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | Công ty liên quan của thành viên chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura | Công ty liên quan của thành viên chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lê Gia | Công ty liên quan của thành viên chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà | Công ty liên quan của thành viên chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Hàng công nghiệp | Hàng gia dụng | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.221.106.522.523 | 3.454.425.571.746 | 131.564.011.181 | 4.807.096.105.450 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.221.106.522.523 | 3.454.425.571.746 | 131.564.011.181 | 4.807.096.105.450 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 104.154.467.127 | 534.715.668.209 | 43.477.291.893 | 682.347.427.229 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (417.477.497.738) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 264.869.929.491 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 14.656.940.568 |
| Chi phí tài chính | | | | (144.335.404.061) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | (1.895.490.669) |
| Thu nhập khác | | | | 13.692.138.955 |
| Chi phí khác | | | | (7.059.428.928) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (34.180.335.974) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 105.748.349.382 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Hàng công nghiệp | Hàng gia dụng | Lĩnh vực khác | Cộng |
|---|--------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 6.257.750.506 | 32.336.467.365 | | 38.594.217.871 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 14.029.645.628 | 57.113.063.847 | | 71.142.709.475 |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 1.408.157.165.903 | 3.019.287.327.771 | 58.478.497.532 | 4.485.922.991.206 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.408.157.165.903 | 3.019.287.327.771 | 58.478.497.532 | 4.485.922.991.206 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 128.500.582.786 | 454.912.497.449 | (545.737.740) | 582.867.342.495 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (349.603.326.787) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | (349.603.326.787) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 27.601.760.882 |
| Chi phí tài chính | | | | (128.564.555.130) |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | 7.953.216.907 |
| Thu nhập khác | | | | (7.815.573.487) |
| Chi phí khác | | | | (4.117.023.379) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (20.188.154.507) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 108.133.686.994 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 10.206.533.331 | 209.270.958.103 | | 219.477.491.434 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 15.048.274.476 | 43.587.675.123 | | 58.635.949.599 |
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: | | | | |
| | Hàng công nghiệp | Hàng gia dụng | Lĩnh vực khác | Cộng |
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 864.992.817.043 | 2.908.807.916.456 | 36.811.989.910 | 3.810.612.723.409 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 250.623.452.907 |
| Tổng tài sản | | | | 4.061.236.176.316 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 725.797.788.833 | 2.038.761.612.501 | 21.936.065.207 | 2.786.495.466.541 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Hàng công nghiệp | Hàng gia dụng | Lĩnh vực khác | Cộng |
|--|------------------|-------------------|----------------|---------------------------------|
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | |
| Tổng nợ phải trả | | | | <u>2.786.495.466.541</u> |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 496.985.729.140 | 2.810.542.686.399 | 44.561.351.867 | 3.352.089.767.406 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 177.433.579.816 |
| Tổng tài sản | | | | <u>3.529.523.347.222</u> |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 353.267.217.951 | 2.028.775.450.805 | 31.210.665.512 | 2.413.253.334.268 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | |
| Tổng nợ phải trả | | | | <u>2.413.253.334.268</u> |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chi có trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn